

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Ông Lý Và Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vòng Mỹ H**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 25, phố 3, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 11/15A, khu dân cư 1, ấp 5, xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Nhữ Cún C**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 25, phố 3, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/2/2019, bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vòng Mỹ H trình bày:

Chị và anh C tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 03/12/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, khi về nhà thì cãi nhau và sỉ nhục vợ. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau thì anh C bỏ nhà đi hai đến ba ngày sau mới về. Chị có khuyên anh C nhưng anh C không nghe mà còn chửi gia đình vợ. Do không chịu được áp lực nên từ cuối tháng 11/2017 chị đã về nhà cha mẹ ruột ở. Tuy nhiên, anh C thường xuyên qua nhà

cha mẹ chị đe dọa chị và gia đình. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Nhữ Cún C.

Chị và anh C có 01 con chung là Nhữ Hoàng Kiệt, sinh ngày 08/01/2016. Cháu Kiệt sống với anh C từ khi vợ chồng sống ly thân và hiện tại cháu Kiệt được anh C chăm sóc tốt cháu Kiệt. Chị tự nguyện giao con chung cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con vì hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên, chị sẽ thường xuyên thăm nom và cấp dưỡng cho cháu theo khả năng và điều kiện kinh tế của chị.

Ngoài ra, chị có 01 con riêng tên Trần Mỹ Kỳ, sinh ngày 05/02/2011. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con riêng.

Chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nhữ Cún C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nhữ Cún C đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về khởi kiện của chị H.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh C có một con chung là cháu Nhữ Hoàng Kiệt, sinh ngày 08/01/2016, hiện đang do anh C nuôi dưỡng và bảo đảm được sự phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh C nuôi dưỡng. Tạm thời chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh C chưa yêu cầu và có hoàn cảnh khó khăn. Không xem xét, giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng đối với con riêng của chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nhữ Cún C được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nhữ Cún C cư trú tại số 25, phố 3, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Vòng Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vòng Mỹ H và anh Nhữ Cún C tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 03/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Chị H xin ly hôn với lý do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do anh C không tu chí làm ăn, lo cho gia đình, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 và hiện nay chị không còn tình cảm với anh C. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh C xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, giữa chị H và anh C đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp khác...”. Tuy nhiên, kể từ năm 2017 đến nay, anh C và chị H không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nên có đủ cơ sở kết luận vợ chồng anh C và chị H thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 25, 26, 27, 28). Tòa án đã nhiều lần mời anh C để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không đến, điều đó cho thấy anh C không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh C. Vì vậy, chị H xin ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung:

Chị H và anh C có một con chung là cháu Nhữ Hoàng Kiệt, sinh ngày 08/01/2016, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh C chăm sóc tốt cháu Kiệt (bút lục 25, 26, 27, 28). Chị H cũng đồng ý giao cháu Kiệt cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, do đó giao cháu Kiệt cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh C không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H khai đang làm nghề tự do, thu nhập không ổn định và phải nuôi con riêng nên không đủ điều kiện cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Kiệt trong thời

điểm hiện tại, song chị cũng sẽ thường xuyên thăm cháu Kiệt và chu cấp cho cháu Kiệt theo điều kiện của chị. Xét thấy, Qua xác minh tại địa phương thì anh C đang chăm sóc tốt cháu Kiệt và hiện có đủ điều kiện nuôi con chung, chị H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung, chị H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị H, anh C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng của chị H: Chị H không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Vòng Mỹ H phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vòng Mỹ H. Chị Vòng Mỹ H được ly hôn với anh Nhữ Cún C.

2. Về con chung: Giao cháu Nhữ Hoàng Kiệt, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Nhữ Cún C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Vòng Mỹ H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vòng Mỹ H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị H và anh C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Vòng Mỹ H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002180 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vòng Mỹ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nhữ Cún C được quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Vinh;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

